

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị
Phạm Thị H và anh Trần Văn T.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXX - ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989**

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L (xóm M cũ), thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: **anh Trần Văn T, sinh năm 1991;**

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh T vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020, trong quá trình tố tụng và tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã C (nay là thị trấn P), huyện C, tỉnh

Thanh Hóa ngày 19/6/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 năm, đến tháng 6 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu say, ngoài ra anh T còn chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Chị cũng đã trò chuyện, phân tích cho anh T hiểu nhưng anh T không những không nghe mà còn xúc phạm chị và gia đình chị, có lúc còn dùng bạo lực với chị. Hai bên gia đình đã khuyên bảo, động viên nhưng anh T chỉ hứa hẹn suông, không thay đổi. Từ tháng 9 năm 2019, chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở thôn L, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Anh chị chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 9 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T.

1.2. Về quan hệ con chung: Chị và anh Trần Văn T có 02 con chung là Trần Đại L, sinh ngày 06/8/2013 và con Trần Thu H, sinh ngày 09/02/2018. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con H. Nếu anh T có nguyện vọng nuôi con Trần Đại L, chị cũng đồng ý. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay, cháu H đang ở cùng chị và gia đình chị, cháu L đang ở cùng anh T và mẹ đẻ anh T. Chị và anh T đều có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con.

1.3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung; không vay nợ chung của cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2020, trong quá trình tố tụng và tại Đơn đề nghị tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt đề ngày 15 tháng 7 năm 2020 bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 9 năm 2019 chị H tự ý đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa sinh sống, từ đó đến nay không về gia đình anh nữa. Anh đã nhiều lần tìm gọi, động viên chị H về nhưng chị H không về. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, bản thân anh không mong muốn như vậy nhưng nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh cũng chấp nhận.

Quan hệ con chung: anh và chị H có 02 con chung như chị H đã trình bày. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con Trần Đại L và đồng ý để chị H nuôi con Trần Thu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay, cháu H đang ở cùng chị H và gia đình chị H, cháu L đang ở cùng anh và mẹ đẻ anh.

Quan hệ tài sản: anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh T còn đề nghị: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ mà chị H đã giao nộp cho Tòa án, Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ. Nhưng do hiện nay anh đang đi làm xa nhà. Khi Tòa án triệu tập, anh không thể có mặt được. Vì vậy anh đề nghị tòa án giao lại các văn bản tố tụng

cho mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị H. Bà H sẽ có trách nhiệm thông báo lại ngay cho anh sau mỗi lần nhận được.

Ngoài ra hai bên không còn yêu cầu gì khác.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng đề ngày 14/7/2020, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964, trú tại thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, là mẹ đẻ của anh Trần Văn T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị H và anh T đúng như anh T, chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể bà không nắm được. Chỉ biết khoảng đầu năm 2019 chị H đưa con về nhà ngoại ở khoảng 4 tháng, anh T có tìm về. Chị H cũng đã đưa con về nhưng vợ chồng chỉ chung sống được khoảng vài tháng, đến tháng 9 năm 2019 chị H lại tự ý đưa con Trần Thu H về nhà ngoại ở. anh T rất nhiều lần tìm gọi chị H về nhưng chị H không về. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, bà luôn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng chị H cứ kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Về con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cho anh T nuôi con Trần Đại L, chị H nuôi con Trần Thu H. Bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc, dạy bảo cháu L. Về tài sản chung của vợ chồng chị H, anh T: Bà không nắm được cụ thể. Đề nghị tòa án căn cứ vào lời trình bày của chị H, anh T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà H cũng nhất trí với đề nghị của anh T là các văn bản tố tụng Tòa án giao bà sẽ nhận thay anh T Bà cam đoan sẽ có trách nhiệm thông báo lại ngay cho anh T sau mỗi lần nhận được.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 14/7/2020, bà Trương Thị H, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn L (xóm M cũ), thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa trình bày:

Về thời gian, quá trình kết hôn và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đúng như chị H trình bày. Nay chị H xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H vì anh chị không có khả năng đoàn tụ. Về con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu Trần Thu H, giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Trần Đại L. Bà và gia đình sẽ hỗ trợ cùng chị H chăm sóc tốt cho cháu H. Về tài sản: Bà không nắm được cụ thể. Đề nghị tòa án căn cứ vào lời trình bày của chị H, anh T để giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, ruộng cấy bà H cũng trình bày như lời trình bày của chị H.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, đại diện UBND xã cung cấp như sau: Về quá trình kết hôn giữa chị H và anh T đúng như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh T ở thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống vợ chồng thời

gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được, chỉ biết tháng 9 năm 2019 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án xem xét, xử cho chị H được ly hôn anh T Về con chung: Đề nghị tòa án giao cho chị H, anh T mỗi người nuôi 01 con . Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể. Về nợ: Chị H và anh T không vay nợ chung cơ quan, tổ chức xã hội nào tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016:

+ Quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thu H, sinh ngày 09/2/2018; giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Đại L, sinh ngày 06/8/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Quan hệ tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn T có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Nguyên đơn, chị Phạm Thị H và bị đơn, anh Trần Văn T đều có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là thị trấn P), huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/6/2013 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị H cho rằng do anh T hay uống rượu, chơi cờ bạc, lơ đãng dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Ngoài ra còn xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị và gia đình chị. Theo anh T: do chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, mặc dù anh cũng đã tìm gọi nhiều lần và đón chị H về nhưng anh chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn chị H lại tiếp tục bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Chị H cũng thừa nhận không còn tình cảm gì với anh T. Còn về phía anh T, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Hai bên xác định sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2] Quan hệ con chung: Chị H và anh T có 02 con chung. Con Trần Đại L đang ở cùng anh T và mẹ anh T. Con Trần Thu H đang ở cùng chị H, do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Mặt khác chị H cũng có nguyện vọng được nuôi cháu H. anh T có nguyện vọng được nuôi cháu L, cháu L cũng có nguyện vọng được ở cùng với anh T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thu H, sinh ngày 09/2/2018; giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Đại L, sinh ngày 06/8/2013 là phù hợp. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai do chị H và anh T đều không yêu cầu.

Chị H, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

[2.3] Quan hệ tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều

147, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi con Trần Thu H, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2018; giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi con Trần Đại L, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị H, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tại biên lai số 0003848 ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa;
(GCNKH số 33/2013, quyền số 01 ngày 19/6/2013);
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)